

Số: 93 /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 12 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường; số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019, Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/4/2024; số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2022/TT-BKHCN ngày 28/7/2022; số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn; số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2025/TT-BKHCN ngày 04/6/2025; số 09/2017/TT-BKHCN ngày 27/6/2017 quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong thương mại bán lẻ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND

ngày 26/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý hoạt động đo lường trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 4

“2. Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN, Điều 1 Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN và được đính chính bởi Quyết định số 790/QĐ-BKHCN ngày 07/5/2024.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 4

“3. Các phương tiện đo không được quy định tại Điều 1 của Quyết định này nhưng có quy định phải được kiểm định, hiệu chuẩn tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc khi sử dụng cho mục đích thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp, hoạt động công vụ khác của cơ quan nhà nước phải được kiểm định hoặc hiệu chuẩn khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu nhưng không phải phê duyệt mẫu.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 7

“1. Phương tiện đo trong Danh mục phương tiện đo được quy định tại Điều 1 của Quyết định này được sử dụng vào các mục đích: Định lượng hàng hóa, mua bán, thanh toán; an toàn, sức khỏe cộng đồng và bảo vệ môi trường phải được kiểm định tại tổ chức kiểm định được công nhận hoặc chỉ định.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 9

“1. Điểm cân đối chứng được sự chỉ đạo thống nhất quản lý của UBND các xã, phường, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 9

“3. Phép đo đối chứng được thực hiện theo khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 09/2017/TT-BKHCN ngày 27/6/2017 của Bộ Trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 5 của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Cột đo xăng dầu được sử dụng để xác định lượng xăng dầu trong mua bán, thanh toán giữa các tổ chức, cá nhân phải đảm bảo các yêu cầu theo quy

định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCHN ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2025/TT - BKHCN.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Cột đo xăng dầu sử dụng để kinh doanh phải còn nguyên niêm phong bằng tem, kẹp chì của cơ quan chức năng. Nếu cột đo bị hư, hỏng hoặc không đạt yêu cầu về đo lường, trước khi tháo bỏ niêm phong để sửa chữa, thay thế của hàng xăng dầu phải thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 06/2025/TT - BKHCN ngày 04/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2015/TT-BKHCHN.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Các quy định cụ thể về đo lường trong hoạt động bán lẻ xăng dầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCHN ngày 25/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2025/TT-BKHCHN.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 14

“4. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện chức năng kiểm tra và kiểm tra đặc thù về đo lường; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đo lường đối với phương tiện đo, phép đo, lượng của hàng đóng gói sẵn, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo và xử lý các vi phạm về đo lường trên địa bàn tỉnh.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung các điểm c, d, g, khoản 1 của Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 của Điều 15 như sau:

“c. Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra các phương tiện đo sử dụng trong kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp và một số phương tiện đo khác thuộc trách nhiệm của ngành Nông nghiệp và Môi trường quản lý.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 của Điều 15 như sau:

“d. Sở Xây dựng kiểm tra nhà nước trong hoạt động quản lý, sử dụng phương tiện đo thuộc trách nhiệm do Sở Xây dựng quản lý.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 của Điều 15 như sau:

“g. Chi cục Quản lý Thị trường thực hiện việc kiểm tra về đo lường thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công.”

Điều 9. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 của Điều 17

“4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ khảo sát, lập kế hoạch đề xuất đầu tư và theo dõi, quản lý mạng lưới các điểm cân đối chúng tại các chợ, trung tâm thương mại”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 của Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 18 như sau:

“2. Thống kê, lập kế hoạch về nhu cầu kiểm định phương tiện đo tại khu vực quản lý hàng năm, gửi về UBND các xã, phường thực hiện kiểm định định kỳ cân cấp 4 tại khu vực chợ, trung tâm thương mại cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh và gửi về Sở Khoa học và công nghệ để quản lý.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 của Điều 18 như sau:

“3. Tiếp nhận kiến nghị của khách hàng về sự không phù hợp của phương tiện đo, hàng đóng gói sẵn so với yêu cầu kỹ thuật đo lường và thông báo kịp thời với UBND xã, phường để giải quyết theo địa bàn và thẩm quyền quản lý. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động kiểm tra về đo lường trong khu vực quản lý; đôn đốc, giám sát việc thực hiện biện pháp khắc phục của cơ sở được kiểm tra theo thông báo của cơ quan kiểm tra.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 23

“2. Việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Điều 12. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND

1. Thay thế các cụm từ sau:

a) “Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố” tại khoản 5 của Điều 14, khoản 2 của Điều 24 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân các xã, phường”;

b) “Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng” tại khoản 3 của Điều 8, khoản 2 của Điều 21, điểm c khoản 1 của Điều 22 bằng cụm từ “Sở Khoa học và Công nghệ”;

c) “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 1 của Điều 24, khoản 2, của Điều 25 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”;

d) “Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã” tại khoản 3 và khoản 6 của Điều 25 bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã”.

2. Bãi bỏ các cụm từ sau:

a) “thanh tra” tại khoản 3 của Điều 14, điểm a, b, khoản 1 của Điều 15;

b) “thị trấn” tại tên Điều 17;

3. Bãi bỏ Điều 16; khoản 2 của Điều 10; điểm đ, khoản 1 của Điều 15; Điều 16.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 13;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Vx3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải